

Số: 615 /TTr-UBND

Thanh Trị, ngày 10 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương
năm 2021, huyện Thanh Trị**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND, ngày 06/3/2017 của HĐND tỉnh Sóc Trăng, về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2017-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2016/NQ-HĐND, ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Sóc Trăng ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định năm 2017-2021;

Căn cứ Quyết định số 3443/QĐ-UBND, ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

UBND huyện Thanh Trị kính trình trước HĐND huyện khoá XI, kỳ họp thứ 17 về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương huyện Thanh Trị năm 2021, cụ thể như sau:

I. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 huyện Thanh Trị: 426.876 triệu đồng, trong đó:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 31.050 triệu đồng, ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 29.140 triệu đồng, bao gồm:

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 12.500 triệu đồng, trong đó: thuế tài nguyên: 50 triệu đồng; thuế tiêu thụ đặc biệt: 60 triệu đồng (ngân sách tỉnh hưởng 100%).

+ Thuế giá trị gia tăng: 9.890 triệu đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.500 triệu đồng

- Thu tiền sử dụng đất: 3.000 triệu đồng, trong đó: ngân sách tỉnh hưởng 40%: 1.200 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng 60%: 1.800 triệu đồng.

- Lệ phí trước bạ : 7.500 triệu đồng.

- Thu phí, lệ phí : 1.800 triệu đồng, trong đó thu

phí, lệ phí huyện xã: 1.200 triệu đồng

- Thuế thu nhập cá nhân : 5.500 triệu đồng.
- Thu khác : 750 triệu đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 397.736 triệu đồng, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối: 316.888 triệu đồng;
- Thu bổ sung có mục tiêu: 80.848 triệu đồng.

II. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 huyện Thanh Trì: 426.876 triệu đồng, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách: 342.578 triệu đồng

- Chi xây dựng cơ bản theo phân cấp: 23.209 triệu đồng (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*)
- Chi thường xuyên: 312.652 triệu đồng (bao gồm số tiết kiệm 10% chi thường xuyên : 3.849 triệu đồng)
- Dự phòng ngân sách: 6.717 triệu đồng.

2. Chi bổ sung có mục tiêu của tỉnh: 80.848 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và từ nguồn xổ số kiến thiết : 73.460 triệu đồng (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*)
- Bổ sung có mục tiêu của Ngân sách Trung ương chi chính sách an sinh xã hội: 7.388 triệu đồng.

3. Dự chi xây dựng cơ bản và chi cải cách tiền lương: 3.450 triệu đồng.

Ngoài ra, trong điều hành ngân sách 06 tháng đầu năm 2021, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi tại Tờ trình này) đề nghị HĐND huyện giao cho UBND huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo với HĐND huyện trong kỳ họp giữa năm 2021.

Trên đây là Tờ trình phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương huyện Thanh Trì năm 2021, UBND huyện kính trình HĐND huyện khoá XI, kỳ họp thứ 17 xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HU, TT.HĐND;
- Đại biểu HĐND;
- Thành viên UBND;
- Lưu: VP (VT - NC)



Trương Vũ Phương

PHỤ LỤC 1

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo trình số 615 /TTr-UBND, ngày 10/12/2020 của UBND huyện Thạnh Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	Tổng thu tỉnh giao	Tổng thu ngân sách huyện hưởng	Tổng thu HĐND huyện giao	Tỷ lệ % phân chia	Tổng thu ngân sách huyện hưởng
	TỔNG SỐ	27.200	25.690	31.050	0	29.140
I	Thu NSNN trên địa bàn	27.200	25.690	31.050		29.140
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	10.500	10.390	12.500		12.390
	- Thuế giá trị gia tăng	8.390	8.390	9.890	100%	9.890
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000	2.000	2.500	100%	2.500
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	60		60	0%	
	- Thuế tài nguyên	50		50	0%	
	- Thu khác	0	0	0	100%	0
2	Lệ phí trước bạ	7.500	7.500	7.500	100%	7.500
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	0	100%	0
4	Thu phí và lệ phí	1.800	1.200	1.800		1.200
	trong đó cấp huyện và các xã, thị trấn	1.200	1.200	1.200	100%	1.200
5	Thu tiền sử dụng đất	2.000	1.200	3.000	60%	1.800
6	Thu tiền thuê đất	0	0	0	100%	0
7	Thuế thu nhập cá nhân	5.000	5.000	5.500	100%	5.500
8	Thu khác ngân sách	400	400	750	100%	750